

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/HS- ST

Ngày: 22/4/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

**** Thành phần xét xử sơ thẩm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

** Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Quách Thị Nền- Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST- HS ngày 16 tháng 3 năm 2021; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/2021HSST- QĐ ngày 30/03/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn C - sinh năm 1960

Nơi cư trú: Khu dân cư A, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/10; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H; Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Trần Thị H1; Bị cáo có hai con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2021 đến ngày 13/01/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. **Có mặt.**

2. Họ và tên: Trần Văn T - sinh năm 1954

Nơi cư trú: Khu dân cư A, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Con ông Trần Văn L và bà Ngô Thị K1; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Mạc Thị Đ; Bị cáo có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/01/2021 đến ngày 13/01/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. **Có mặt.**

3. Họ và tên: **Lê Văn K2** - sinh năm 1942

Nơi cư trú: Khu dân cư P, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 01/10; Con ông Lê Văn B và bà Phạm Thị T1; Gia đình có 04 anh em; Vợ: Đặng Thị H2; Bị cáo có 04 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 10/01/2021 đến ngày 13/01/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. **Có mặt.**

4. Họ và tên: **Lê Văn T2** - sinh năm 1962.

Nơi cư trú: Khu dân cư P, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Con ông Lê Văn S và bà Phạm Thị Y.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tạm giữ từ ngày 10/01/2021 đến ngày 13/01/2021, chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/01/2021, Lê Văn T2, Trần Văn T, Lê Văn K2 lần lượt đến nhà Nguyễn Văn C ở khu dân cư A - A1 - K - Hải Dương ngồi chơi uống nước với C. Khoảng 09 giờ cùng ngày, C, Lê Văn T2, Trần Văn T và K2 cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền. Ngay sau đó C lấy 01 chiếc đĩa nhựa hình tròn đường kính khoảng 20cm, một mặt in hình hoa văn, đáy có in chữ Vinh Hoa Melamine ware No 2209 và 01 bộ bài chắn 100 quân có một mặt màu xanh cùng các đối tượng trên vào phòng ngủ của nhà C ngồi xuống nền nhà đánh bạc; C có 1.120.000 đồng, Trần Văn T có 1.720.000 đồng, Lê Văn T2 có 1.320.000 đồng, K2 có 1.520.000 đồng sử dụng đánh bạc. Các đối tượng trên quy định: Mỗi ván mỗi người được chia 19 quân bài, số quân bài còn lại là bài nọc, trước khi đánh bạc mỗi người bỏ ra 100.000 đồng để ở giữa chiếu bạc, khi kết thúc mỗi ván người nào thắng sẽ lấy số tiền tương ứng ở giữa chiếu bạc, khi hết số tiền ở giữa chiếu bạc thì mỗi người lại bỏ ra tiếp 100.000 đồng. Trong ván đánh

bài ai ù xuyên thì ba người còn lại mỗi người phải trả cho người này là 20.000 đồng, nếu ù có thêm cước (*chì, tôm, bạch định, tám đỏ, lèo...*) thì mỗi cước được cộng thêm 10.000 đồng. Nếu ván bài đánh đến khi phần bài nọc còn 01 quân bài và cả 04 người chơi không có ai ù thì ván bài đó hòa và đánh tiếp ván mới. Cứ như vậy các đối tượng trên đánh bạc đến 10 giờ 30 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an thị xã Kinh Môn phối hợp cùng Công an phường A1 kịp thời phát hiện bắt quả tang, vật chứng thu giữ tại chiếu bạc 01 bộ bài chắn 100 quân, 01 đĩa nhựa hình tròn có đặc điểm như trên và số tiền 5.680.000 đồng.

Tại **quyết định truy tố số:** 02/CT- VKS ngày 16 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 đã phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 phạm tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

- **Về hình phạt:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 20 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn K2 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo C, K2, Lê Văn T2, Trần Văn T cho Ủy ban nhân dân phường A1 giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách của án treo, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn C từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu, sung quỹ nhà nước số tiền 5.680.000 đồng. Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 bộ bài chắn 100 quân và 01 đĩa nhựa.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX buộc bị cáo Lê Văn T2 phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí HSST cho các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2.

* Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân thị xã Kinh Môn và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã Kinh Môn; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát, những lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại quá trình điều tra và những người làm chứng; phù hợp khách quan với những tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ 09 giờ đến 10 giờ 30 phút ngày 20/01/2020, tại gia đình Nguyễn Văn C, ở khu dân cư A, phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh chắn được thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng đánh bạc trái phép là 5.680.000 đồng.

Xét, việc các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức *đánh chắn* tại nhà của bị cáo C với số tiền các bị

cáo sử dụng vào việc đánh bạc trái phép là 5.680.000 đồng nên việc các bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương đã truy tố về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Đánh giá vị trí, vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có yếu tố đồng phạm nên cần xem xét tính chất, mức độ thực hiện tội phạm và vị trí, vai trò, nhân thân của từng bị cáo để có mức hình phạt tương xứng. Qua đó giúp cho các bị cáo cải tạo thành những công dân biết chấp hành pháp luật và góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này bị cáo C có vị trí, vai trò thứ nhất, bị cáo đã tham gia đánh bạc cùng đồng phạm từ đầu đến khi bị lực lượng Công an bắt giữ, bị cáo chuẩn các quân bài, bát đĩa và cho các bị cáo mượn phòng ngủ của gia đình bị cáo để các bị cáo khác đánh bạc. Bị cáo dùng số tiền 1.120.000 đồng để đánh bạc;

Các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 là các đồng phạm với vai trò tích cực, tham gia đánh bạc ngay từ đầu đến khi bị lực lượng Công an bắt giữ. Bị cáo Trần Văn T có 1.720.000 đồng, Lê Văn K2 có 1.520.000 đồng, Lê Văn T2 có 1.320.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc trái phép.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương; làm ảnh hưởng đến cuộc sống, kinh tế cũng như hạnh phúc gia đình các đối tượng phạm tội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận biết được việc đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị lớn là trái pháp luật. Nhưng do động cơ sát phạt nhau, không muốn lao động chân chính để tạo ra của cải, vật chất cho bản thân. Các bị cáo đã tụ tập, lôi cuốn nhau vào đánh bạc bằng hình thức *đánh chẵn* để tước đoạt tài sản, tiền bạc của nhau. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi cố ý đã gây ra và phải chịu một hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 đều khai báo thành khẩn nên đều được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 đều lần đầu phạm tội, số lượng tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc không lớn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Trần Văn T được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ

là “*người phạm tội có công với cách mạng*” theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn K2 phạm tội khi đã trên 70 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “*Người phạm tội là người đủ 70 tuổi trở lên*” theo điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn T2 có nhiều thành tích trong quá trình học tập, được các Cơ quan nhà nước khen thưởng nên nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình “*Người phạm tội có thành tích xuất sắc trong học tập, công tác*” quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Văn K2 có vợ được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bị cáo Lê Văn T2 bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến thắng hạng ba nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét, các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn; là người lao động nhất thời phạm tội, có nơi thường trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và thể hiện sự nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa;

[5] Hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, điều kiện hoàn cảnh kinh tế và hình phạt chính áp dụng đối với các bị cáo trong vụ án. Thấy, ngoài việc áp dụng hình phạt về nhân thân đối với bị cáo C còn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền 10.000.000 đồng đối với bị cáo C là đúng quy định. Đối với các bị cáo Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 đều phạm tội ở vị trí cuối, kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng quy định.

[6] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ 100 quân bài chẵn và 01 đĩa nhựa. Xét, đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, không còn giá trị nên cho tịch thu cho tiêu hủy là có căn cứ, đúng quy định;

Đối với số tiền thu giữ trong vụ án là 5.680.000 đồng. Hiện có căn cứ xác định là tiền các bị cáo dùng để thực hiện việc đánh bạc trái phép liên quan trong vụ án nên cần tuyên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định.

[7] Án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2 bị tuyên là phạm tội nên phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nhưng các bị cáo đều đã trên 60 tuổi, đều có đơn xin miễn tiền án phí sơ thẩm nên căn cứ chấp nhận miễn tiền án phí sơ thẩm cho cả 03 bị cáo theo Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đối với bị cáo Lê Văn T2 bị tuyên là phạm tội nên phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Trong vụ án này, Nguyễn Văn C và các đồng phạm đánh bạc tại nhà ở của vợ chồng bị cáo C nhưng vợ bị cáo C là bà Trần Thị H1 không biết nên Cơ quan Cảnh

sát điều tra Công an thị xã Kinh Môn không đặt ra việc xử lý đối với bà Hiền là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2 đều phạm tội Đánh bạc.

2. Về điều luật:

- Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo C;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s, o khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn K2;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T2;

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 08 (Tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (Bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (Mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn K2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2, Lê Văn T2, Nguyễn Văn C cho Ủy ban nhân dân phường A1, thị xã K, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 68, 92 của Luật thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

3. Về hình phạt bổ sung: Xử buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung công quỹ Nhà nước;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án

xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng xử: Tịch thu, cho tiêu hủy 100 quân bài chắn, 01 đĩa nhựa. Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.680.000 đồng (*Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Số lượng, đặc điểm, tình trạng vật chứng và số tiền nêu trên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lưu trong hồ sơ vụ án và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã K;

5. Án phí, xử: Miễn án phí sơ thẩm hình sự cho các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn T, Lê Văn K2. Buộc bị cáo Lê Văn T2 phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

6. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã K;
- Cơ quan thi hành án hình sự
và Cơ quan cảnh sát điều tra
(Công an thị xã K);
- Chi cục THADS thị xã K;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Người có qlnv liên quan;
- Lưu hs, VP.

Phạm Anh Tuyết